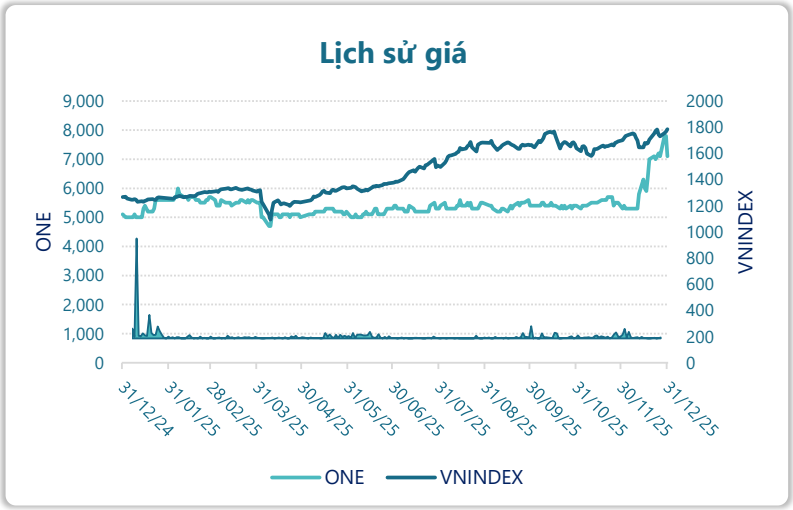
FireAnt

CTCP Công nghệ ONE (HNX: ONE)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,700
SL cổ phiếu LH	7,893,658
KLGD BQ 20 phiên (CP)	79,030
% sở hữu nước ngoài	4.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	56
P/E	16.3
EPS	435

DT thuần

Q4/25

219

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 59.0| 36.6%

YoY: ▼160| -42.3%

LN sau thuế

Q4/25

1.10

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.76| -40.6%

YoY: ▼6.87| -86.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

1.8%

+/- YoY: ▲ 0.7%

DT thuần

2025

482

tỷ VNĐ

YoY: ▼99.0| -16.9%

LN sau thuế

2025

3.44

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.16| 169%

ROE

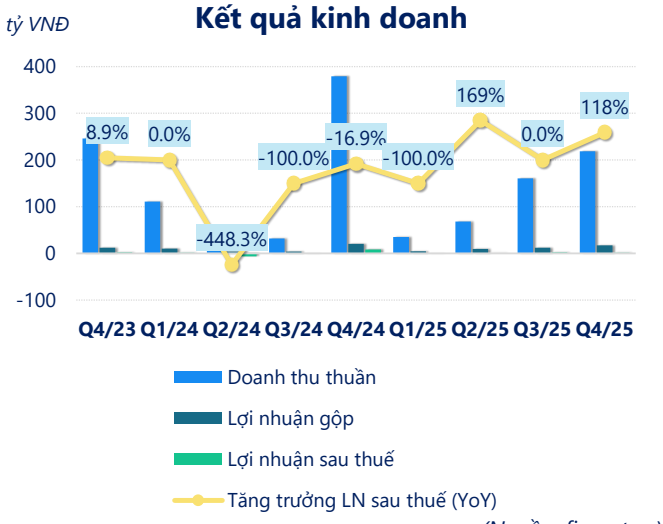
2025

3.3%

+/- YoY: ▲ 2.1%

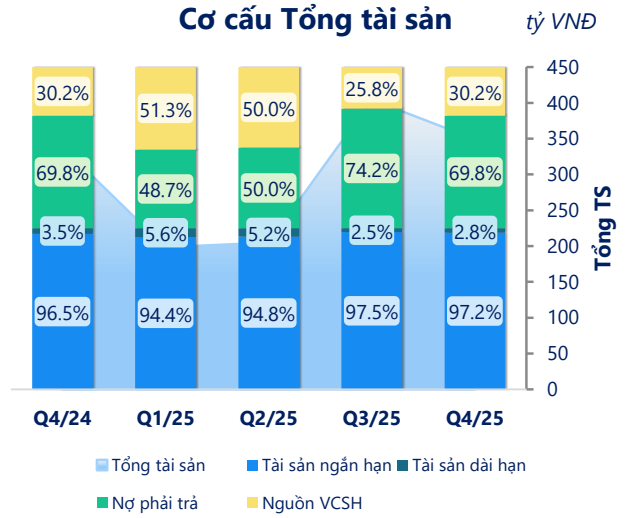
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



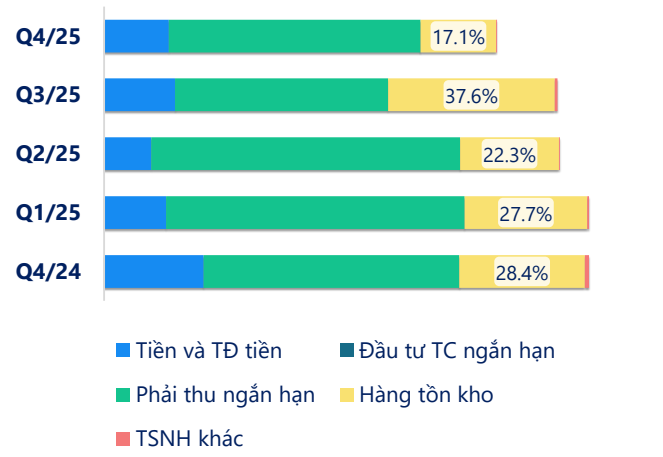
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



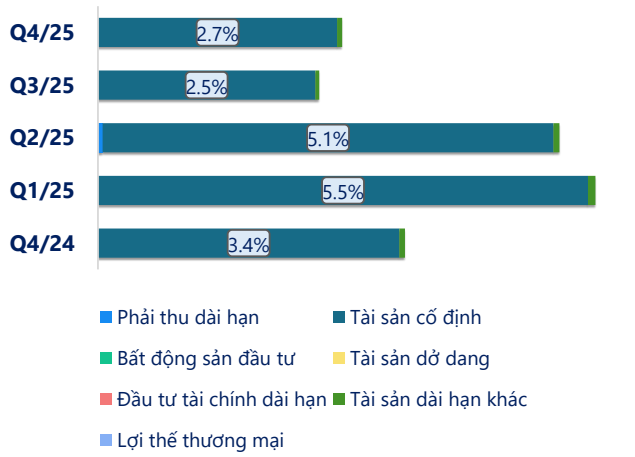
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



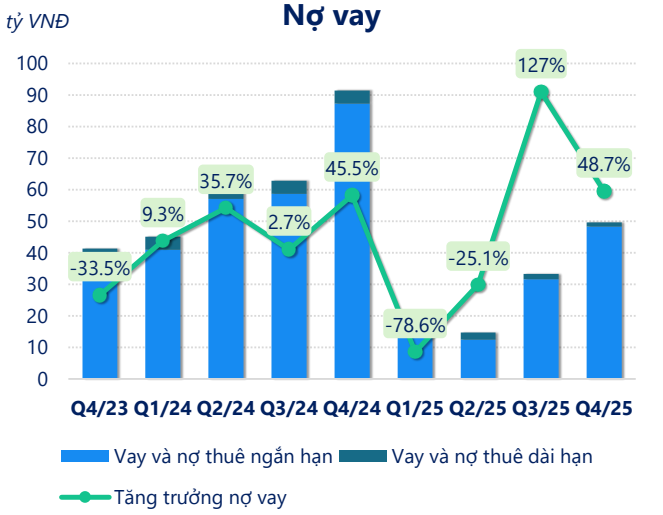
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



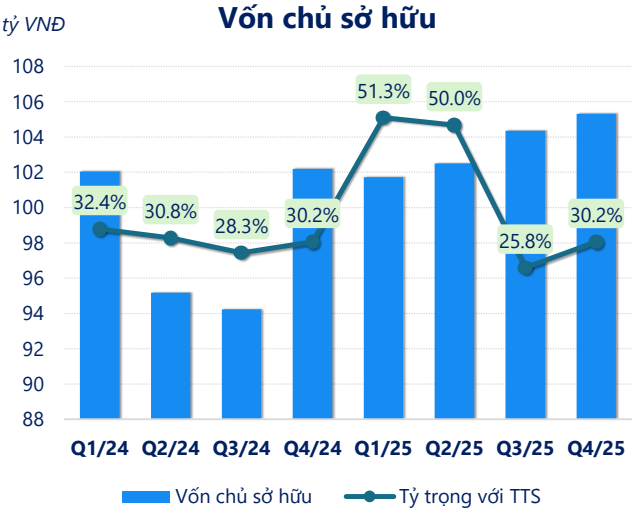
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



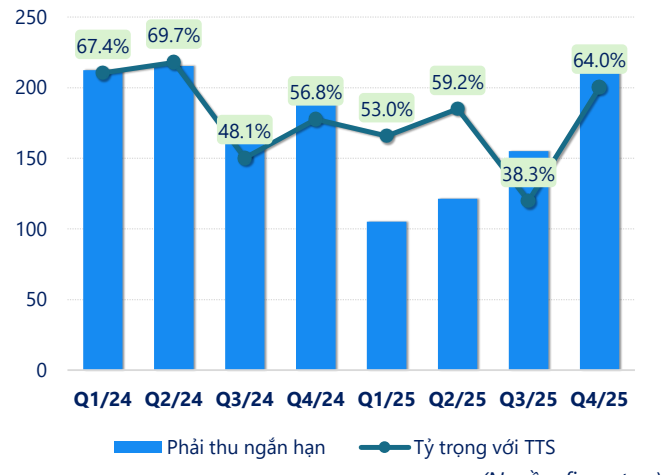
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



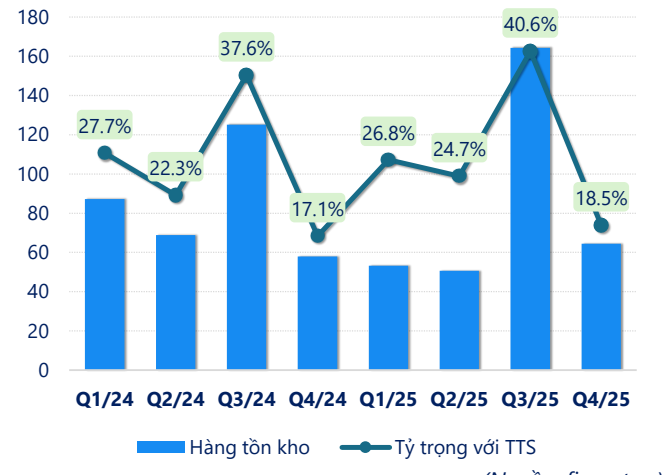
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



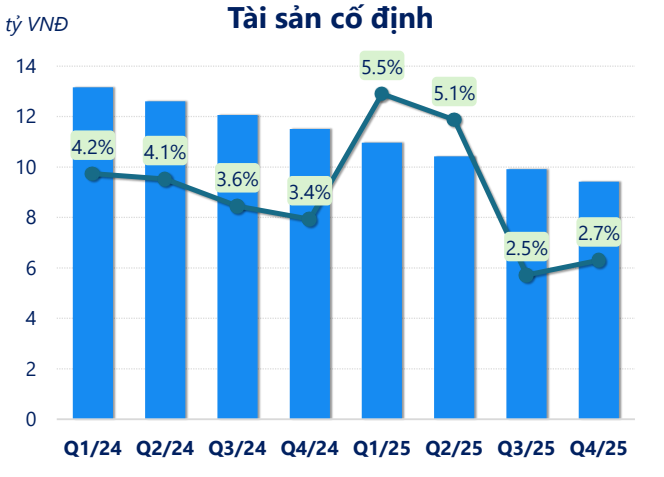
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



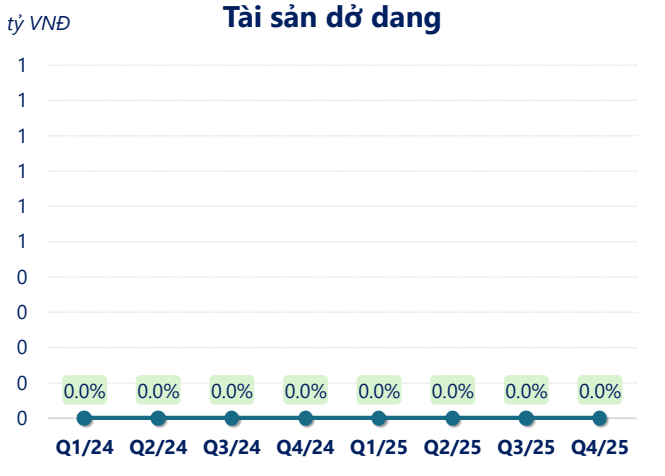
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



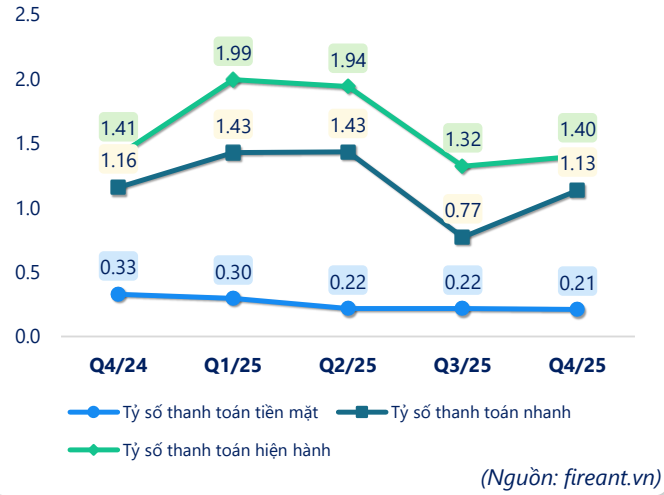
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



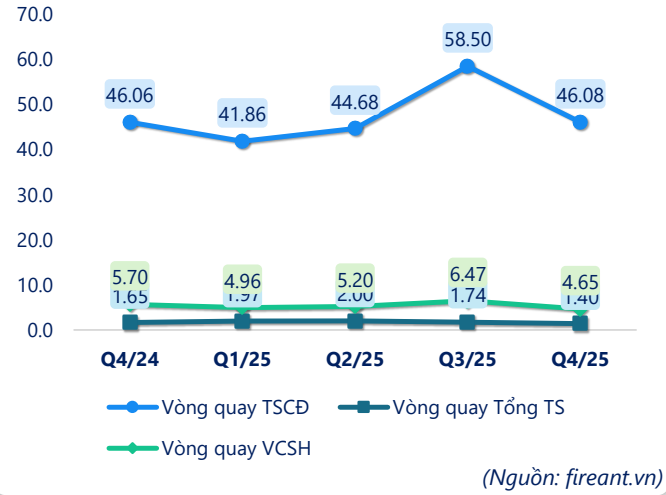
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**339**	**198**	**205**	**404**	**349**
Tài sản ngắn hạn	**327**	**187**	**194**	**394**	**339**
Tiền và tương đương tiền	76.0	27.8	21.8	64.9	50.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	192	105	121	155	224
Hàng tồn kho	57.9	53.2	50.7	164	64.5
Tài sản ngắn hạn khác	0.49	1.06	0.40	10.0	0.50
Tài sản dài hạn	**11.7**	**11.1**	**10.7**	**10.1**	**9.61**
Phải thu dài hạn	0	0	0.11	0	0
Tài sản cố định	11.5	11.0	10.4	9.92	9.42
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.21	0.16	0.14	0.19	0.19
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**236**	**96.6**	**102**	**300**	**244**
Nợ ngắn hạn	**232**	**93.9**	**100**	**298**	**242**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	87.3	16.9	12.4	31.6	48.3
Phải trả người bán ngắn hạn	123	51.2	51.4	182	161
Nợ dài hạn	4.14	2.71	2.23	1.75	1.27
Vay và nợ thuê dài hạn	4.14	2.71	2.23	1.75	1.27
Nguồn vốn chủ sở hữu	**102**	**102**	**102**	**104**	**105**
Vốn chủ sở hữu	**102**	**102**	**102**	**104**	**105**
Vốn điều lệ	79.6	79.6	79.6	79.6	79.6
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)